

Số: 186 /2018-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Tên CTQLQ: **CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF VFMVN30**

Mã chứng khoán: **E1VFN30**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế,
Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08-3825 1488

Fax: 08-3825 1477

Người thực hiện CBTT: **TRẦN THANH TÂN**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ


Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin về:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2018
- Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 10/08/2018 tại đường dẫn <http://vfm.com.vn> của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tp.HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Người công bố thông tin 



**Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc**

Phụ lục số 16

Mẫu Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục)

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Bán niên năm 2018

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ : **QUỸ ETF VFMVN30**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ :

Mục tiêu chính của Quỹ ETF VFMVN30 là là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tổng thu nhập VN30 (VN30-TRI) sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30-TRI là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có) : được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (nếu có) : Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN30

Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong VN30 tại ngày 30/06/2018 như sau :

Mã cổ phiếu	Tỷ trọng(%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng(%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng(%)
BID	26.0	GMD	25.1	REE	31.9
BMP	58.6	HPG	38.4	ROS	43.0
BVH	81.3	HSG	12.1	SAB	225.5
CII	26.5	KDC	33.4	SBT	15.5
CTD	152.4	MBB	26.2	SSI	28.5
CTG	24.3	MSN	79.0	STB	11.6
DHG	102.0	MWG	114.0	VCB	58.0
DPM	17.2	NT2	29.1	VIC	107.5
FPT	41.5	NVL	51.0	VJC	141.8
GAS	88.5	PLX	58.5	VNM	170.0



e) Chính sách phân chia lợi nhuận :

Được quy định theo điều lệ quỹ. Theo đó, Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty quản lý quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 01/01/2018	170,700,000	ccq
Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ	180,600,000	ccq
Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong kỳ	101,500,000	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2018	249,800,000	ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2017 của Quỹ ETF VFMVN30 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 13/04/2018. (chi tiết theo file đính kèm)

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2017 của Quỹ ETF VFMVN30 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 13/04/2018 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2017, ngân sách, kế hoạch hoạt động, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật...(chi tiết theo file đính kèm)



VFMVN30 ETF-
NGHI QUYET DAI HO

g) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF : CTQLQ đáp ứng đúng các quy định tại điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý Quỹ ETF.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

-Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất: Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ vào ngày 18/09/2014 theo giấy chứng nhận số 14/GCN-UBCK.

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...)
(không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán);

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau :

Cơ cấu tài sản quỹ	30-06-18	30-06-17	30-06-16
Danh mục chứng khoán	99.34%	99.07%	99.29%
Tiền và các khoản tương đương tiền	0.66%	0.93%	0.71%
Cộng	100.00%	100.00%	100.00%

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau:

Ngành	30/06/2016	30/6/2017	30/6/2018
Thực Phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc Lá	22.2%	20.6%	24.0%
Ngân Hàng	23.9%	21.3%	16.9%
Bất Động Sản	13.8%	11.0%	15.4%
Vật Liệu	11.9%	13.1%	11.6%
Dịch Vụ Tài Chính	5.9%	6.4%	2.0%
Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	7.2%	6.7%	4.1%
Năng Lượng	3.3%	0.9%	1.4%
Hàng Hóa Công Nghiệp	4.0%	6.4%	4.4%
Vận Tải	4.1%	4.4%	10.0%
Tiện ích Công Cộng	0.5%	2.7%	2.3%
Bảo Hiểm	1.9%	1.3%	1.2%
Bán Lê	0%	5.8%	5.1%
Dược Phẩm & Công Nghệ Sinh Học	0%	1.9%	1.0%
Tiền và tương đương tiền	1.2%	-0.6%	0.6%
Tổng	100%	100%	100%

Về Giá trị tài sản ròng của quỹ :

Giá trị tài sản ròng	Tại 30/06/2018	Tại 30/06/2017
<i>của quỹ ETF</i>	3,889,573,588,886	622,534,351,554
<i>của một lô chứng chỉ quỹ ETF</i>	1,557,075,096	1,252,584,208
<i>của một chứng chỉ quỹ</i>	15,570.75	12,525.84

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo : 19,268.16 đồng
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo : 11,919.80 đồng
- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau :

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(563,562,052,971)
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	45,816,776,552
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu, trái phiếu	374,445,744,771
4	Tổng chi phí	(19,820,230,614)
	Tổng cộng	(163,119,762,262)

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ : không có
- Thời điểm phân chia lợi nhuận : không có
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận : không có
- Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ (%) : 0.79%
- Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ : 138.66 %

a) Chi tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

(i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm)	36,811,151,428,764
(ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm)	15,389,489,831,463
(iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm)	12,022,203,661,892

b) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác : nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập : Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

c) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

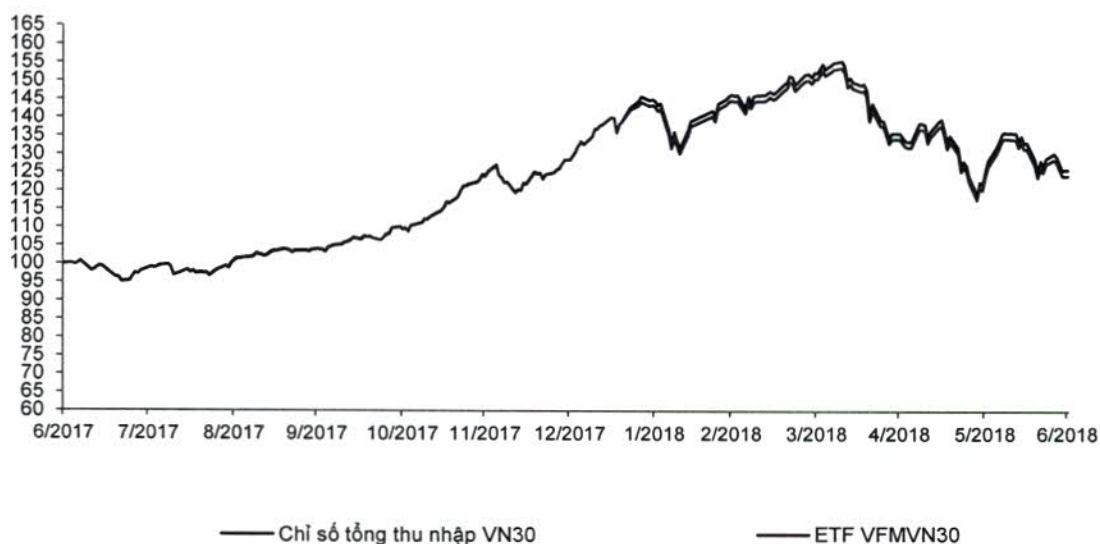
3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

- Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) : không có
- Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ) :

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số tổng thu nhập VN30. Trong nửa đầu năm 2018, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức thấp khoảng 0.86%.

- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị) :



- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị) : không có

- Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ :

Quỹ ETF VFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá

cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo :

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30/06/2018 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu vẫn chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất :

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 30/06/2018 của Quỹ ETF VFMVN30 là 15,570.75 đồng giảm 3.3% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2017 của Quỹ ETF VFMVN30 là 16,105.12 đồng.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap) :

Sáu tháng đầu năm 2018 thị trường chứng khoán Việt Nam giảm nhẹ về điểm số khi chỉ số VN-Index giảm khoảng 2.3% so với cuối năm 2017. Trong đó chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức giảm 2.9%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức giảm 10.8% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) có mức giảm 10.4%.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có);

- Số lượng chứng chỉ Quỹ bán ra cho những người có liên quan Công ty Quản lý quỹ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 : 179,200,000 CCQ

- Số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại từ những người có liên quan Công ty Quản lý quỹ từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 : 100,400,000 CCQ`

(Dữ liệu giao dịch sơ cấp)

l) Các thông tin khác (nếu có).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát :

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ ETF đối với các nội dung sau:

a) **Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có):** từ 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) **Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch :** trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ ETF VFMVN30, Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam(VFM) đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán liên quan hiện hành, Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

c) **Việc xác định giá, đánh giá tài sản ròng của Quỹ:** việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

d) **Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ:** việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01/01/2018 ngày 30/06/2018, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 180,600,000.00 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 1,806,000,000,000 đồng.
- Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 101,500,000.00 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 1,015,000,000,000 đồng.

e) **Việc phân chia lợi nhuận của quỹ:** từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyên nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ
----------	-------

Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng so với lợi nhuận	-0.02%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ so với lợi nhuận	-0.37%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể , hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	611,428,650
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ	33,000,000

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ *Trần Thanh Tân*



TRẦN THANH TÂN

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2017
QUỸ ETF VFMVN30 (E1VFN30) THÔNG QUA BẢNG HÌNH THỨC LẤY
Ý KIẾN BẢNG VĂN BẢN

- Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/12/2012 hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức & hoạt động của công ty Quản lý Quỹ;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016;
- Thông tư số 229/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 được thông qua ngày 5/4/2016;
- Căn cứ vào kết quả biểu quyết của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2017 Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30) thông qua bảng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo Biên bản kiểm phiếu ngày 13/04/2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2017

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2017 như sau:

- Kết thúc ngày 31/12/2017, giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 đạt 16,105.1 đồng, tăng 58,3% so với giá trị đầu năm so với chỉ số tổng thu nhập VN30 có mức tăng trưởng cùng kỳ 59,0%.
- Mức chênh lệch về tăng trưởng của Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 đạt 0,7%. Mức sai lệch (Tracking Error) giữa Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 ở mức 0,24%.
- Vào tháng Một và tháng Bảy năm 2017, Quỹ ETF VFMVN30 đã thực hiện việc cơ cấu danh mục đầu tư. Trung bình mỗi lần cơ cấu danh mục tổng giá trị mua và giá trị bán chiếm khoảng 31% tổng giá trị danh mục.
- Trong năm 2017, tổng số huy động ròng của Quỹ ETF VFMVN30 đạt gần 1,800 tỷ đồng nâng tổng số chứng chỉ Quỹ lên 170.7 triệu chứng chỉ quỹ (số chứng chỉ quỹ tăng hơn 4 lần so với năm 2016).
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm 2017 tăng hơn 6 lần so với năm 2016. Sự tăng trưởng về giá trị tài sản ròng trong năm 2017 đến từ sự tham gia đầu tư mới của các nhà đầu tư nước ngoài vào Quỹ và phần tăng trưởng giá của thị trường.

Điều 2: Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Quỹ

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Quỹ.

Điều 3: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Mục tiêu hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tổng hợp VN30 (chỉ số bao gồm cộng gộp cả cổ tức) cho nên Quỹ ETF VFMVN30 đề xuất năm 2017 Quỹ sẽ không thực hiện phân phối lợi nhuận nhằm tránh làm tăng mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.

Điều 4: Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2018

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2018 như sau:

Để thực hiện mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ tiếp tục tập trung những điểm chính như sau:

- Theo dõi và cập nhật diễn biến về giá trị giao dịch, sự kiện doanh nghiệp các cổ phiếu cấu thành nên chỉ số tham chiếu để có những điều chỉnh tỷ trọng danh mục đầu tư bám sát tỷ trọng danh mục chỉ số.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu (nếu có) để có giải pháp quản lý danh mục mô phỏng đạt hiệu quả.
- Nghiên cứu các chiến lược quản lý danh mục hiệu quả khi chỉ số tham chiếu thay đổi định kỳ.

Điều 5: Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2018

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2018.

Điều 6: Tổng ngân sách hoạt động trong năm 2018 của Ban đại diện quỹ

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ dự kiến trong năm 2018, cụ thể như sau:

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2018	Thực tế 2017	% tăng/giảm
<i>I</i>	Thù lao	58,500,000	58,500,000	0%
<i>II</i>	Chi phí đi lại	-	-	
1	Chi phí vé máy bay	-	-	
2	Chi phí khách sạn	-	-	
3	Chi phí đưa rước	-	-	
<i>III</i>	Chi phí khác (Phòng họp...)	-	-	0%
	Tổng cộng	58,500,000	58,500,000	0%

(% tăng/ giảm : là tỷ lệ % ngân sách mới 2018 được lập tăng/giảm so với thực tế 2017)

Ghi chú:

- Ngân sách 2018 dự kiến so với thực tế 2017 và được lập trên cơ sở sau:
 - Tất cả các số lần họp Ban Đại Diện được tổ chức qua conference call hoặc bằng văn bản
- Ngân sách chi phí hoạt động của Ban Đại Diện 2018 trên sẽ dùng cho 3 thành viên và 1 thư ký, với chi tiết thù lao của các thành viên BDD vẫn giữ nguyên như sau:
 - Chủ tịch BDD: Thù lao 2 triệu đồng/tháng
 - Thành viên BDD: Thù lao 1 triệu đồng/tháng
 - Thư ký BDD: Thù lao 500 nghìn đồng/tháng

- Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức chi phí cấu thành ngân sách nêu trên.

Điều 7: Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30, cụ thể như sau:

7.1. Cập nhật, bổ sung phần “Căn cứ pháp lý”:

- **Bổ sung:** *Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;*
- **Cập nhật quy định mới:** *Thay thế Thông tư 213/2012/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;*
- **Cập nhật quy định mới:** *Thay thế Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán; và Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế hành nghề chứng khoán” được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; bằng Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về hành nghề chứng khoán;*
- **Bổ sung:** *Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán.*

7.2. Điều chỉnh, bổ sung phần “Các định nghĩa”: điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật

“Giá dịch vụ”	Sau đây có thể gọi là Phí.
“Giá phát hành lần đầu”	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí giá dịch vụ phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
“Giá giao dịch hoán đổi”	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại. Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi. Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

<p>“Giá dịch vụ phát hành” hay gọi là “Phí phát hành”</p>	<p>Là phí giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ.</p> <p>Phí Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Phí Giá dịch vụ phát hành này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.</p>
<p>“Giá dịch vụ mua lại” hay gọi là “Phí mua lại”</p>	<p>Là phí giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu.</p> <p>Phí Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Phí Giá dịch vụ mua lại này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.</p>

7.3. Điều chỉnh Khoản 9 Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp): điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật

“ Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

...

9. Phí Giá dịch vụ phát hành, **phí giá dịch vụ** mua lại:

- a. **Phí Giá dịch vụ** phát hành: là **phí giá dịch vụ** mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. **Phí Giá dịch vụ** này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
 - **Phí Giá dịch vụ** phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - **Phí Giá dịch vụ** phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - **Phí Giá dịch vụ** phát hành áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.
- b. Các mức **phí giá dịch vụ** cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác. **Phí Giá dịch vụ** mua lại: là **phí giá dịch vụ** mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. **Phí Giá dịch vụ** này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ.
 - **Phí Giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - **Phí Giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - **Phí Giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức **phí giá dịch vụ** cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác **Phí Giá dịch vụ** này sẽ được căn trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 lớn hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn **phí giá dịch vụ** mua lại thì Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại ngân hàng giám sát, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

- c. Việc điều chỉnh mức **phí giá dịch vụ** phát hành và **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường.
- d. Việc tăng mức **phí giá dịch vụ** phát hành và **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức **phí giá dịch vụ** sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức **phí giá dịch vụ** mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức **phí giá dịch vụ** mới trên trang thông tin điện tử của công ty.
- e. Trường hợp giảm mức **phí giá dịch vụ** phát hành và **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư so với quy định tại Điều này, thời điểm áp dụng mức **phí giá dịch vụ** mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bản cáo bạch công bố về mức **phí giá dịch vụ** mới, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cập nhật mức **phí giá dịch vụ** mới này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.

7.4. Điều chỉnh Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi: điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật.

“ Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi

1. Giá phát hành lần đầu: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm **phí giá dịch vụ** phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
2. Giá giao dịch hoán đổi: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại.
 - a. Giá giao dịch hoán đổi mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu đồng thời phát hành một lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ **tính-sử dụng** tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với **phí giá dịch vụ** phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
 - b. Giá giao dịch hoán đổi mà Công ty quản lý quỹ mua lại một lô chứng chỉ quỹ đồng thời hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ **tính-sử dụng** tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.”

7.5. Bổ sung Khoản 5 Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư: *bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.*

“ Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

...

5. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức **giá dịch vụ**, phí trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;”

7.6. Bổ sung Điểm g Khoản 2 Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ: *bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

...

- g. Được hưởng các khoản **giá dịch vụ**, phí được quy định trong Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật;”

7.7. Bổ sung Khoản 3 Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ: *bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

...

3. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại **giá dịch vụ**, phí và mức **giá dịch vụ**, phí đã được quy định rõ tại Điều lệ này.”

7.8. Bổ sung Điểm o Khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát: *bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:

...

- o. Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào có liên quan đến nghiệp vụ giám sát, lưu ký của Ngân hàng đối với Quỹ (ngoài các khoản **giá dịch vụ**, phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

...

2. Quyền của Ngân hàng giám sát

- a. Ngân hàng giám sát được hưởng các loại **giá dịch vụ**, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ này và phù hợp với các quy định của pháp luật;”

7.9. Bổ sung Điểm f Mục A Khoản 2 và phần định giá trái phiếu niêm yết trong Mục D Khoản 2 Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ: *bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. ...

2. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- A. Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

f. Các khoản mục thuế, **giá dịch vụ**, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;

...

D. Giá trị tài sản ròng được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết	<p>- Giá yết hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá);</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp quỹ đấu thầu thành công trái phiếu, thì trong thời gian chờ niêm yết bổ sung, trái phiếu này sẽ được định giá dựa trên lãi suất trúng thầu gần nhất.</p>

7.10. Điều chỉnh Khoản 1-2-3-7 Điều 55. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả: điều chỉnh "phí" thành "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật.

" Điều 55. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. **Phí Giá dịch vụ** quản lý quỹ

- **Phí Giá dịch vụ** quản lý quỹ là 0,65% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30/năm tài chính. **Phí Giá dịch vụ** này được trả cho Công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF VFMVN30.

- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Công thức tính phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 0,65% **phí giá dịch vụ** quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí quản lý quỹ là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

2. **Phí Giá dịch vụ** lưu ký và giám sát

- **Phí Giá dịch vụ** giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. **Phí Giá dịch vụ** được tính vào mỗi kỳ định giá

dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- **Phí Giá dịch vụ** giám sát là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có)).
- **Phí Giá dịch vụ** lưu ký tối đa là 0,06% NAV/năm. Mức **phí giá dịch vụ** này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch, không bao gồm các giao dịch hoán đổi.
- Mức **phí giá dịch vụ** trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, phí rút chứng khoán chưa niêm yết, v.v....
- Công thức tính phí giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % **phí giá dịch vụ** giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì **phí giá dịch vụ** giám sát, lưu ký là tổng số **phí giá dịch vụ** tại các kỳ định giá trong tháng.

3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ

- Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ ETF VFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có))
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Phí dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí dịch vụ quản trị quỹ tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

Tổng **phí giá dịch vụ** Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng là 42 triệu/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)) trong hai năm đầu tiên và từ năm thứ ba trở đi thì mức giá dịch vụ, phí tối thiểu này là 50 triệu/tháng.

Tổng **phí giá dịch vụ** Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ Quản trị quỹ hàng tháng tối đa là 0.5% NAV/ bình quân gia quyền/năm (chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có))

Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu nêu trên.

...

7. Các loại phí và lệ phí khác

- ...
- Các loại **giá dịch vụ**, chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật."

7.11. Điều chỉnh Điểm a,b,c Khoản 1 Điều 56. Chi phí hoạt động của quỹ: *điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 56. Chi phí hoạt động của quỹ

1. Chi phí hoạt động của quỹ ETF bao gồm các khoản **giá dịch vụ**, phí, chi phí sau thuế dưới đây:
 - a. **Phí Giá dịch vụ** quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ;
 - b. **Phí Giá dịch vụ** lưu ký tài sản quỹ, **phí giá dịch vụ** giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;
 - c. Phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các **giá dịch vụ**, phí khác mà Công ty quản lý quỹ trả cho VSD, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;”

7.12. Điều chỉnh Khoản 4 Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ: *điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ

4. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, **phí giá dịch vụ** quản lý, **phí giá dịch vụ** giám sát và các chi phí khác được thu theo **biểu giá dịch vụ**, biểu phí đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại của quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một chứng chỉ quỹ, danh mục tài sản còn lại chưa kịp phân phối cho nhà đầu tư theo mẫu quy định pháp luật hiện hành. Thông báo gửi cho nhà đầu tư phải được cung cấp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước kèm theo báo cáo về tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định của pháp luật hiện hành.”

7.13. Bổ sung Khoản 1 Điều 62 - Đăng ký điều lệ: *cập nhật đăng ký điều lệ.*

“Điều 62. Đăng ký điều lệ

1. ...

Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ tư bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2017 của Quỹ ETF VFMVN30 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 13/04/2018 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/04/2018.”

7.14. Điều chỉnh Điểm 8- Phụ lục 2- Cam Kết Của Ngân Hàng Giám Sát: *điều chỉnh cho phù hợp.*

“PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

8. ~~Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ;~~”

Điều 8: Hiệu lực Nghị quyết Đại hội
Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. Đại hội nhà đầu tư
Chủ tịch Ban đại diện quỹ



NGUYỄN BỘI HỒNG LÊ

Đại diện Công ty quản lý quỹ
Tổng Giám đốc



TRẦN THANH TÂN